TÒA ÁN NHÂN DÂQUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2019/DS-ST
Ngày 22-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Mai
2. Ông Võ Thành Viên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp,Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 07/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-DS ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P.
Địa chỉ: số 25 Bis đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường B, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu S (Giấy ủy quyền số 197/2018/UQ-HDBank GĐ ngày 19/7/2018) (có mặt).

Bị đơn:
1/Bà Nguyễn Thị Ngọc T (vắng mặt).
Địa chỉ: số 1K đường N, Phường X, quận G, Thành phố H.
2/Ông Trương Thanh Vĩnh P (vắng mặt).
Địa chỉ: số 1K đường N, Phường X, quận G, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/5/2009, bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P đã ký Hợp đồng tín hạn mức số 052/09 vay của Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) với mục đích vay mua xe ô tô. Lãi suất cho vay là 13,2%/năm được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày 14/5/2009 đến ngày 14/5/2014, thời gian trả lãi 01 tháng/lần.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay bà T và ông P đã thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số máy: 6376929, số khung: 46K69U581024, biển số: 52U-6522, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 109244 ngày 11/5/2009 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp.

Tài sản đảm bảo được thế chấp theo hợp đồng thế chấp ô tô số 052/09HĐTC-HDB-DT ngày 14/5/2009. Được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/5/2009 tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố H;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P 900.000.000 đồng vào ngày 14/5/2009 theo khế ước nhận nợ số 052/09/01. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T và ông P đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 22/4/2019 bà T và ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 949.583.174 đồng (trong đó nợ gốc là 618.037.285 đồng, nợ lãi 331.545.889 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhưng bà T và ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phía Ngân hàng đã chuyển số nợ mà hàng tháng lẽ ra bà T và ông P phải trả sang nợ quá hạn từ ngày 14/5/2013.

Tính đến thời điểm 22/4/2019, bà T và ông P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.002.561.524 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 281.962.715 đồng, lãi trong hạn là 40.115.644 đồng, lãi quá hạn 680.483.165 đồng).

Tại phiên Tòa, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc bà T và ông P thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 1.002.561.524 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 281.962.715 đồng, lãi trong hạn là 40.115.644 đồng, lãi quá hạn 680.483.165 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền trên, bà T và ông P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ý kết cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P để tiếp tục thu hồi nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày, cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được giải quyết theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thể hiện; bà T và ông P đã vay của Ngân hàng HD số tiền 900.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông P đã vi phạm việc trả nợ nên phía Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với các khoản thanh toán hàng tháng mà hai bên đã thỏa thuận. Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện, hiện nay bà T và ông P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.002.561.524 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 281.962.715 đồng, lãi trong hạn là 40.115.644 đồng, lãi quá hạn 680.483.165 đồng. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TMCP P khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P, cùng địa chỉ: số 1K đường N, Phường X, quận G, Thành phố H. Hội đồng xét xử xét thấy; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P.

[3]. Về yêu cầu của các đương sự:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng tín hạn mức số 052/09, khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng tính đến ngày 22/4/2019 là: 1.002.561.524 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 281.962.715 đồng, lãi trong hạn là 40.115.644 đồng, lãi quá hạn 680.483.165 đồng.

[3.1]. Xét về số nợ gốc phải trả: bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P vay của Ngân hàng số tiền 900.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tín hạn mức số 052/09 ngày 14/5/2009, phía Ngân hàng đã giải ngân cho bà T và ông P tổng số tiền 900.000.000 đồng. Theo hợp đồng trên thì hàng tháng bà T và ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo hợp đồng, trả liên tục trong vòng 48 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 14/5/2013 bà T và ông P đã trả cho phía Ngân hàng 949.583.174 đồng (trong đó nợ gốc là 618.037.285 đồng, nợ lãi 331.545.889 đồng). Như vậy, bà T và ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phía ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ trước hạn là đúng theo quy định tại điều 6 của hợp đồng mà 02 bên đã ký kết. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà T và ông P trả số tiền nợ gốc là 281.962.715 đồng (900.000.000 đồng - 618.037.285 đồng = 281.962.715 đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Xét về nợ lãi phải trả:

Tại Điều 1 của Hợp đồng tín hạn mức số 052/09 và Mục 7 của Khế ước nhận nợ số 052/09/01 ngày 14/5/2009 hai bên có thỏa thuận: Lãi suất tiền vay là 13,2%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo quy định thay đổi của Ngân hàng TMCP P theo từng thời kỳ.

Lãi suất nợ quá hạn: theo Điều 1 của Hợp đồng tín hạn mức số 052/09 và mục 7 của khế ước nhận nợ số 052/09/01 ngày 14/5/2009 quy định bằng 150% lãi suất vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn.

Tại Điều 5 của hợp đồng tín dụng "*Ngay khi đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn/kết thúc kỳ hạn vay nếu bên vay không trả hết số nợ và không được HDBank cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì toàn bộ số dư nợ gốc còn lại (dư nợ của*

tất cả các KUNN thuộc hợp đồng này) sẽ được chuyển sang nợ quá hạn. Nhưng chỉ áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần dư nợ của KUNN mà bên vay không trả đúng hạn.

Khi đến hạn của mỗi kỳ hạn trả lãi nếu bên vay không trả đủ lãi cho một kỳ hạn trả lãi mà không được HDBank cơ cấu lại thời hạn trả lãi, thì toàn bộ số dư nợ gốc thực tế còn lại của các KUNN bị chuyển nợ quá hạn nhưng vẫn áp dụng lãi suất vay trong hạn, phần lãi vay vi phạm sẽ bị phát chậm trả"

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi của phía Ngân hàng. Cụ thể: lãi trong hạn + lãi quá hạn = 40.115.644 đồng + 680.483.165 = 720.598.809 đồng (tính đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm ngày 22/4/2019).

[3.3]. Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm:

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí phải chịu là: 42.076.845 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng khoản 2 Điền 91 Luật Các tổ chức tín dụng ;

Áp dụng Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP P:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng cộng: 1.002.561.524 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 281.962.715 đồng, lãi trong hạn là 40.115.644 đồng, lãi quá hạn 680.483.165 đồng trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; đồng thời phía Ngân hàng phải có nghĩa vụ giải chấp và trả lại cho bà T và ông P Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số biển số: 52U-6522 sau khi bà T và ông P trả xong tất cả các khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số máy: 6376929, số khung: 46K69U581024, biển số: 52U-6522 để thu hồi nợ. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P để tiếp tục thu hồi nợ vay.

Kể từ ngày 23/4/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trương Thanh Vĩnh P chịu 42.076.845 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại 20.357.724 đồng cho Ngân hàng TMCP P theo biên lai thu số AA/2017/0029830 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Viên **Võ Thị Mai** **Nguyễn Anh Đức**

Nơi nhận:
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức